

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

THẾ GIỚI NGÔN TỪ CỦA TRUYỆN NGẮN “CÁI CHẾT CỦA CON MỰC”

HỒ VĂN HẢI*

TÓM TẮT: Bài viết hướng tới việc vận dụng “Lí thuyết Thế giới ngôn từ” để tiếp cận truyện ngắn “Cái chết của con Mực” của Nam Cao. Đây là một tác phẩm rất đặc biệt của trào lưu hiện thực phê phán và được đánh giá cao về nhiều mặt. “Lí thuyết Thế giới ngôn từ” xem tác phẩm như một thế giới sống động được chứa đựng trong một hệ thống ngữ liệu phức tạp và độc đáo. Trong đó, mỗi đơn vị ngôn từ là những dấu hiệu về sự “diễn giải” thế giới mà những đối tượng tham gia vào văn bản tạo ra. Sử dụng cách nhìn trên để nghiên cứu tác phẩm truyện có thể giúp người tiếp nhận và phân tích văn chương nhận thức một cách sâu sắc về đẹp của thi pháp ngôn ngữ và hệ thống ý nghĩa ẩn dấu phía sau thế giới nghệ thuật của tác phẩm.

TỪ KHÓA: Con Mực; thế giới ngôn từ; thế giới nhận thức; thế giới tình thái.

NHẬN BÀI: 23/01/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 10/08/2026

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, việc tiếp cận truyện từ góc độ ngôn ngữ bằng *Lí thuyết Thế giới ngôn từ* (LTTGNT) đang là một xu hướng diễn ra mạnh mẽ. Lí thuyết này do Paul Werth khởi xướng và được Joanna Gavins bổ sung, là bước phát triển và hoàn thiện hơn của *Phân tích diễn ngôn* và *Phong cách học tri nhận*, đã mở ra một hướng tiếp cận hiệu quả trong nghiên cứu truyện.

Ở nước ngoài, các công trình vận dụng LTTGNT vào phân tích truyện phải kể đến là luận án *Text World Theory and the Emotional Experience of Literary Discourses* (2010) của Whiteley mô tả các thế giới ngôn từ (TGNT) trong 3 tiểu thuyết; bài báo *Pedagogical Stylistics: Text World Theory Approach to the Teaching of Poetry* (2010) của Giovannelli với mục đích chính là chứng minh tính hiệu quả của hướng tiếp cận này trong việc giúp học sinh nâng cao năng lực cảm thụ ngôn ngữ và phân tích văn bản một cách hiệu quả hơn.

Ở Việt Nam, các ứng dụng LTTGNT vào tiếp cận văn bản truyện cũng đã được chú ý với khá nhiều công trình nghiên cứu ở cấp luận văn thạc sĩ như *Yếu tố cấu thành thế giới ngôn từ trong truyện ngắn “Chút thoáng Xuân Hương” của Nguyễn Huy Thiệp* (2020) của Nguyễn Trúc Anh; *Thế giới ngôn bản trong tiểu thuyết “Chùa đàn” của Nguyễn Tuân* (2023) của Huỳnh Thị Thanh Hòa (Đại học Xã hội - Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh); *Thế giới ngôn từ trong truyện ngắn “Sông Sóng” của Nguyễn Huy Thiệp* (2023) của Nguyễn Thị Anh Đào; *Thế giới Ngôn từ trong truyện ngắn “Tương về hưu” của Nguyễn Huy Thiệp* (2024) của Hoàng Thị Thu Hà; *Thế giới Ngôn từ trong truyện ngắn “Giọt Máu” của Nguyễn Huy Thiệp* (2025) của Đậu Thị Vân Hoa (Đại học Sài Gòn),...

Việc vận dụng LTTGNT vào nghiên cứu truyện, nhất là những tác phẩm giàu tính nhân văn, có cấu trúc tự sự chặt chẽ, sử dụng ngôi kể điêu luyện, ngôn từ linh hoạt, nhiều tầng nghĩa và nhiều “khoảng trống suy tưởng” như “Cái chết của con mực” sẽ chứng minh bằng thực tế tính hiệu quả của hướng tiếp cận này. Qua đó cũng góp phần làm rõ giá trị của một truyện ngắn kinh điển trong sáng tác của nhà văn Nam Cao.

2. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận

Điểm cốt lõi của LTTGNT là thế giới ý nghĩa được hình thành trong tâm trí người tiếp nhận khi tương tác với văn bản, nơi ngôn từ, tư duy và cảm xúc vận hành đồng thời. Lí thuyết này chỉ ra rằng, quá trình tiếp nhận văn bản là một hoạt động tri nhận tích cực và sáng tạo của cả người sáng tác, nhân

*TS; Trường Đại học Sài Gòn; Email: hvhai@sgu.edu.vn

vật và người thưởng thức. Đây được xem là một trong những mô hình tiếp cận hiệu quả trong nghiên cứu văn học từ góc độ ngôn ngữ. Khi nhận thức thế giới hiện thực và diễn đạt nó bằng ngôn ngữ, con người sử dụng tri thức của mình để “định vị” các thực thể xung quanh. Các thực thể đó được gọi là “trực chỉ”. Trực chỉ có vai trò chỉ ra không gian, thời gian trong một hành vi phát ngôn cụ thể và chứa đựng sự đánh giá của con người thông qua mối liên hệ giữa họ với những yếu tố khác có trong môi trường xung quanh. Thế giới “trực chỉ” có thể là hiện thực trước mắt, hoặc của kí ức, của sự tưởng tượng, cũng có thể là của mơ ước. “Trực chỉ” được thể hiện bằng các yếu tố thuộc phạm trù không gian (gần, xa, bao quát, cụ thể...) hoặc thời gian (hiện tại, quá khứ, tương lai). Chúng được thể hiện bằng tên gọi hoặc thuộc tính của các sự vật, hiện tượng, con người... và đi vào kiến tạo tác phẩm với tư cách là các đối tượng, bối cảnh, sự kiện... Trong đó, các thuộc tính của “trực chỉ” được gắn với từng thực thể. Quá trình tham chiếu của các “trực chỉ” đã tạo ra TGNT. Như vậy, TGNT là thế giới mà người đọc nhận được trong quá trình tri nhận các trực chỉ của ngôn bản. Thế giới này được hình thành từ những hệ quy chiếu với hiện thực mà tác giả, nhân vật và người đọc tri nhận. Vì vậy, TGNT không chỉ do ngôn bản tạo ra thông qua quá trình chiếu vật mà còn do sự “can thiệp” mạnh mẽ của người tiếp nhận. Quá trình này bị chi phối bởi kiến thức, năng lực, cảm xúc... của chủ thể giao tiếp. Ngôn bản chỉ đóng vai phương tiện trung gian giúp ta “hình dung” ra “thế giới”. Người đọc với tư cách là “chủ thể chiếu vật” đang ở trong “hệ sinh thái hiện sinh” có thể dùng những hiểu biết của mình để “hoàn nguyên văn hóa” về thời đại của nhân vật nhằm “lí giải” những thông tin về tính cách, hoàn cảnh... để nhận về một hình ảnh sống động đối tượng được ngôn bản miêu tả. Cách hiểu, cách cảm của mỗi người về ngôn bản là TGNT của riêng họ. Các nhân tố cấu thành “thế giới cốt lõi” gồm hệ thống các “chỉ dấu” giúp người tiếp nhận có được những cơ sở ban đầu để khám phá TGNT. Có thể quy các “chỉ dấu” của “thế giới cốt lõi” về bốn phạm trù cơ bản: 1) thời gian; 2) không gian; 3) thực thể; 4) các mối liên hệ. Các yếu tố này liên tục thay đổi giúp cho TGNT tồn tại trong trạng thái “động”. Chúng được nhận ra qua các dấu hiệu như: 1) sự dịch chuyển về thời gian; 2) sự dịch chuyển về không gian; 3) sự dịch chuyển cả không gian lẫn thời gian... Các “chuyển động” của những yếu tố trên có thể được nhìn nhận như những “lát cắt” phân chia TGNT tổng thể thành các tiểu TGNT thuộc nhiều cấp độ.

Trong truyện kể, mỗi tình tiết, sự kiện có thể tương ứng với một sự dịch chuyển của TGNT làm cho cốt truyện phát triển liên tục. Các yếu tố có chức năng dịch chuyển tiêu điểm được gọi là “nhân tố thúc đẩy chức năng” (→), gồm: 1) cấu trúc tình thái; 2) hoạt động tinh thần; 3) sự dịch chuyển của các mốc thời gian trong diễn ngôn. Khi nhận ra sự dịch chuyển này, người đọc có thể hình dung khá trọn vẹn đối tượng mà nhà văn miêu tả. Theo Werth, TGNT trong tác phẩm có thể bao hàm những tiểu thế giới với những đặc điểm, chức năng khác nhau. Có thể phân lập hóa chúng thành ba loại cơ bản: 1) thế giới trực chỉ (tham tố nhìn từ góc độ “logic hình thức”); 2) thế giới nhận thức (tham tố nhận biết phẩm chất); 3) thế giới tình thái (tham tố đánh giá, xúc cảm) (Werth, 1999, tr.216). Theo Gavins, các thế giới trong tác phẩm văn chương được hình thành dưới tác động của cảm xúc chủ thể phản ánh và hiện ra như là những thế giới tình thái. Ông cho rằng, một văn bản bất kỳ có thể chứa đựng bên trong nó ba kiểu tình thái diễn đạt: tình thái ước vọng; tình thái đạo nghĩa; tình thái nhận thức. Trong tác phẩm văn chương, tình thái nhận thức phổ biến nhất, được thể hiện qua tiêu điểm, là điểm nổi bật của đối tượng, cùng với ngôi kể và giọng điệu của nhà văn. Đây là sự khác biệt rất lớn giữa TGNT của truyện so với TGNT trong các loại diễn ngôn phi nghệ thuật khác. Việc sử dụng LTTGNT để giải mã phần căn bản nhất của tác phẩm “Cái chết của con mực”, một truyện ngắn đặc sắc cả về tư tưởng lẫn nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của Nam Cao sẽ là khảo nghiệm cần thiết và có tính ứng dụng cao.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

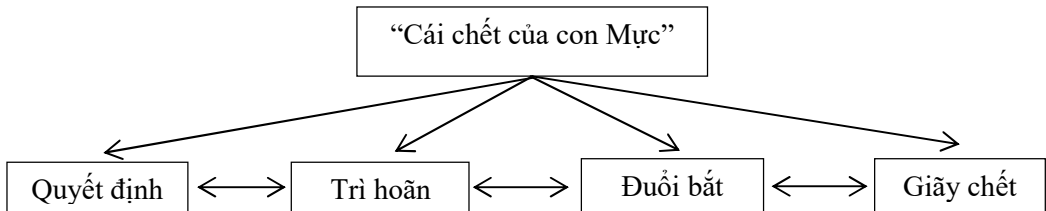
Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài viết gồm: phương pháp miêu tả, phương pháp mô hình hóa, phương pháp phân tích diễn ngôn. Phương pháp miêu tả được sử dụng trong quá trình phân tích và mô tả các yếu tố cấu thành trong từng thế giới bộ phận có tính phức hợp của tác phẩm. Phương pháp mô hình hóa dùng để xác lập, xây dựng các mô hình cấu trúc TGNT cốt lõi trong

tác phẩm, là hình dung khái quát về thế giới diễn ngôn theo nguyên tắc đi từ tổng quát đến chi tiết để hỗ trợ cho các phân tích, miêu tả các TGNT bộ phận. Phương pháp phân tích diễn ngôn được sử dụng nhằm minh định ngữ cảnh, vai trò và giá trị biểu đạt cơ bản của các yếu tố cấu thành nên toàn bộ thế giới văn bản.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết cấu Thế giới ngôn từ của tác phẩm *Cái chết của con Mực*

Giá trị phổ quát của con chó trong văn hóa của người Bắc Bộ là để giữ nhà hoặc để giết thịt trong các dịp đặc biệt. Bên cạnh đó, vì đặc tính mến chủ và gần gũi của nó, con chó còn là người bạn thân thiết của tuổi già hoặc tuổi thơ trong các gia đình người Việt. Trong “*Lão Hạc*”, con chó là người bạn của tuổi già cô độc, hoàn cảnh éo le buộc lão Hạc phải bán nó cho người ta giết thịt, “hóa kiếp cho nó làm kiếp người...” và nhận về nỗi đau như mất đi một người thân. Còn trong “*Cái chết của con Mực*”, buộc phải đồng thuận với mọi người trong việc giết thịt người bạn thời thơ ấu, Du cũng nhận về những nỗi đau không thể chia sẻ... Tác phẩm đặc sắc này có thể được tiếp cận bằng nhiều góc nhìn khác nhau. Tuy nhiên, tính hiện đại của nghệ thuật tự sự, cách sử dụng ngôn ngữ giàu sức gợi, cùng với những hiểu biết về hoàn cảnh sáng tác và những giá trị văn hóa hiện sinh, việc sử dụng LTTGNT để soi chiếu vào tác phẩm *Cái chết của con mực* cho phép người đọc tri nhận và lí giải truyện một cách sâu sắc và toàn diện. Có thể hình dung TGNT cốt lõi trong tác phẩm qua sơ đồ sau:



TGNT cốt lõi mô tả quá trình người ta bắt và giết thịt một con chó, truyện xoay quanh 4 TGNT chính: TGNT (1) quyết định giết thịt con Mực → TGNT (2) những lần trì hoãn việc giết thịt con Mực → TTNT (3) quá trình con Mực bị đuổi bắt → TGNT (4) con Mực giã chết.

3.2. Các tiểu thế giới ngôn từ trong “*Cái chết của con mực*”

3.2.1. Thế giới ngôn từ về quyết định giết thịt con Mực

TGNT (1) gồm tham tố thời gian: quãng thời gian trong quá khứ đến hiện tại; tham tố không gian: gia đình ở thôn quê; tham tố nhân vật: bà chủ nhà, con Mực; tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba khách quan; giọng điệu trung tính; tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *bà chủ nhà → định giết thịt con Mực từ lâu → quyết định giết thịt con Mực vào dịp tiết Thanh Minh → hoãn lại; con Mực → già hơn các con còn lại; tục ăn; nhiều vắt; cắn cắn; sủa như gà gáy.*

TGNT (1) mở ra với tham tố thời gian hồi chỉ khái quát về số phận đã được định đoạt của một con vật: *Người ta định giết Mực đã lâu rồi.* Các trục chỉ tiếp theo chi tiết hóa các đặc tính của con Mực với *nhiều nét xấu: tục ăn* thì đối với một con chó, điều đó rất thường tình; *nhiều vắt* cũng chỉ làm cho chính nó phải khổ sở; *hay cắn cắn* là giá trị ít được sử dụng trong việc xua đuổi *bọn ăn mày; sủa như một con gà gáy* thì tác dụng “thị uy” với người lạ và giữ nhà coi như bằng không. Chỉ bằng một số ít trục chỉ về đặc điểm *không thể tha thứ được* cũng đủ gợi ra một thế giới nhận thức: tất cả đều chống lại quyền được tiếp tục sống của con Mực trong ngôi nhà này. Như vậy, TGNT (1) được kiến tạo từ hai nhóm tham tố chủ đạo: nhóm tham tố thuộc tính, miêu tả hình dáng, hành vi, bản năng của con Mực, nhóm tham tố nhận thức, nhìn nhận, đánh giá và đưa ra quyết định. Hai lớp tham tố này không tách biệt mà đan xen, chuyển hóa liên tục, làm cho thế giới trục chỉ dần mang màu sắc tình thái nhận thức. Người đọc nhận ra một tình huống rất quen thuộc ở nông thôn miền Bắc về ý định giết thịt một con chó. Tóm lại, với giọng kể trung tính ngôi thứ ba như một hình thức che giấu cảm xúc, TGNT (1) là lời giới thiệu bối cảnh chung để mở ra một chuỗi sự kiện tiếp theo với nhiều tình huống bất ngờ.

3.2.2. Thế giới ngôn từ về những lần trì hoãn việc giết thịt con Mực

TGNT (2) phản ánh chuỗi những lần hoãn giết thịt con Mực vì những nguyên nhân khác nhau nhưng lại trùng nhau về tính chất: kiêng khem và đợi người quan trọng có mặt tham dự.

Cấu trúc của TGNT (2) gồm Tham tố thời gian: diễn tiến của những lần hoãn giết thịt con Mực, từ thời điểm *Tết Thanh Minh* (vì bà chủ nhà bị ốm) → *Tết tháng năm* (vì đưa con út của bà hơi won mình) → *ngày rằm tháng bảy* (vì Du gửi thư báo sắp về). Những yếu tố tưởng chừng nhỏ nhặt ấy làm chậm nhịp thời gian của câu chuyện, khiến “cái chết của con Mực” trở thành một cái “hẹn” chưa tới, một bữa ăn đặc biệt và một cái chết của con vật nuôi bị trì hoãn. Tham tố không gian: không gian sinh hoạt gia đình tại một làng quê Bắc Bộ truyền thống. Tham tố nhân vật: bà chủ nhà; người con út (mới sinh); người con cả là Du; và con Mực. Tham tố tình thái: người kể giấu mình (ngôi thứ ba); giọng điệu trung tính, lạnh lùng tương phản với tình huống xúc cảm đang diễn ra trong cốt truyện. Tham tố vật thể và đặc tính gắn ghép: đưa con út (của bà chủ) *won mình*. Các nhân tố thúc đẩy chức năng: bà chủ → *cần sữa lành* → phải kiêng thịt chó; Du → *sắp về* → hoãn việc giết thịt. Ba lần hoãn giết thịt con Mực được “cắt gọn” chỉ còn lại những trục chỉ liệt kê các thời điểm và nguyên nhân được kể với giọng điệu dửng dưng. Điều đáng nói là, lí do hoãn không xuất phát từ lòng thương xót mà vì điều kiện và nhu cầu thực tế của cả gia đình. Thế giới trục chỉ đã tạo nên một thế giới tình thái đặc biệt khi sự biểu cảm ẩn sâu sau từng con chữ tưởng như rất lạnh lùng. Ba lần thoát chết vì những lí do trùng hợp ngẫu nhiên gọi ra “số phận” bất thường của một con chó. Điều này cũng có thể khiến người đọc liên tưởng đến một ẩn ý sâu xa của người kể chuyện: có bao nhiêu lần trì hoãn thì cũng có bấy nhiêu lần con Mực bị “giết” rồi lại bắt phải “sống” để chờ đến lượt “chết” tiếp theo. Vì vậy, càng trì hoãn, càng phơi bày tình cảnh “trêu ngươi” mà con người dành cho một con vật từng được yêu thương, nâng niu nhưng nay đã mất hết giá trị. Như vậy, TGNT (2) thực chất là một thế giới tình thái nhận thức chìm sâu dưới bề mặt của một thế giới trục chỉ.

3.2.3. Thế giới ngôn từ về quá trình con Mực bị đuổi bắt

TGNT (3) gồm 3 tiêu TGNT: TGNT (3.1) Du gặp lại con Mực sau nhiều năm đi xa → TGNT (3.2) Phản ứng của con Mực đối với Du → TGNT (3.3) Phản ứng của Du trước sự tàn nhẫn của mọi người đối với con Mực. Cấu trúc của TGNT (3) gồm tham tố không gian: gia đình Du ở làng quê; tham tố nhân vật: Du, các em, mẹ, con Mực; tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba khách quan; giọng điệu thân mật. Kể từ lúc này, tiêu điểm tập trung vào Du và con Mực. Du sống giữa hai luồng suy nghĩ, cảm xúc trái ngược nhau: vừa yêu thương con Mực, vừa lại muốn giết nó để chứng tỏ sự mạnh mẽ của một thằng đàn ông theo “thước đo” giá trị cộng đồng. Lúc này, con Mực như một “đôi trọng” để quy chiếu vào diễn biến tâm trạng của chàng thanh niên.

TGNT (3.1) với tham tố vật thể và các đặc tính được gán: Du → *về* → *xách va li kệ nệ bước vào sân* → *mỉm cười* → *mặt đỏ*; *cây cau* → *đứng thẳng chào Du*; *lũ em* → *âm ỉ đẩy màn chạy ra*; *mẹ* → *cười và khóc*; *con Mực* → *rít lên* → *chạy lại Du*; *bà mẹ* → *thét lên*; *lũ em* → *chửi những câu thô tục*; *Du* → *bờ ngỡ nhìn mọi người*... TGNT (3.1) được mở ra bằng một thế giới trục chỉ gồm những hình ảnh và cảm xúc xoay quanh sự kiện Du trở về sau nhiều năm xa nhà. Hai mảng không gian đối lập được đặt cạnh nhau tạo nên hiệu ứng tương phản. Trục chỉ của không gian ám áp, thân thuộc: *cây cau đứng thẳng chào Du*, *lũ em âm ỉ đẩy màn chạy ra*, *mẹ thì vừa cười vừa khóc*... gọi ra một thế giới tình thái đạo nghĩa, chan chứa tình thân. Trạng thái *bờ ngỡ* của Du hướng tiêu điểm đến con Mực, người bạn thân thiết thuở ấu thơ. Nó vẫn nhớ chủ, vẫn biểu lộ niềm vui bằng cách *chạy lại*, *rít lên* những tiếng mừng với sự gắng sức hết mình, vừa phấn khích vừa dè dặt, nhưng mang nỗi sợ hãi thường trực có lẽ do thường xuyên phải đối mặt với sự ngược đãi. Khoảnh khắc ấy tạo nên một thế giới tình thái đầy mâu thuẫn: tình cảm trung thành của con vật và chạm với sự thay đổi của con người. Du cảm động trước sự “nhận mặt” nhanh chóng của con Mực, nhưng ngay sau đó lại phải đối diện với thái độ gay gắt của người thân, *mẹ thét lên*, *lũ em chửi những câu thô tục*. Phản ứng đó khiến Du sững sờ, bối rối. Rất nhanh sau đó, khi nhận ra con Mực đã quá già, bệnh tật, bần thiêu, Du buộc phải đối mặt với một hiện thực nghiệt ngã: phải từ bỏ tình thân và kí ức tuổi thơ. Toàn bộ chuỗi trục chỉ và phản ứng ấy kiến tạo nên một thế giới tình thái nhận thức: Du rơi vào trạng thái vừa thương

hại vừa ghê sợ, vừa xúc động vừa ngỡ vực. Hai không gian tình thái đối lập cùng tồn tại trong con Mực, cũng như trong tâm hồn Du: ánh sáng của tình thương và bóng tối của sự xa lạ, hoài nghi. Như vậy, TGNT (3.1) được xây dựng trên hai bình diện song hành: bình diện tình thái đạo nghĩa, biểu hiện qua cảm xúc đoàn tụ, tình mẹ con, tình anh em, tình cảm thủy chung của con vật và bình diện tình thái nhận thức, nơi Du nhận ra sự “biến dạng” về tình cảm, đạo đức của mỗi con người trong diễn tiến thời gian. Sự đan xen giữa hai tầng thế giới ấy khiến TGNT (3.1) trở thành điểm xoay cảm xúc và triết lí của toàn truyện: quá khứ với hiện tại, yêu thương và ghét bỏ xung đột với nhau vô cùng gay gắt.

TGNT (3.2) với tham tố vật thể và các đặc tính được gán; tham tố thúc đẩy chức năng: *mẹ → không được khoẻ; các em → đã lớn; con Mực → già đi → nhận ra người chủ cũ → đứng lặng vậy đuôi → đầu cúi xuống → hai mắt nhem ươn ướt nhìn đất như tui phận; Du → thương hại → muốn cúi xuống vuốt ve; nó → bắn ghê gớm; lông → rụng từng mảng; thịt trắng → lộ ra có nơi sần mụn; đáng điệu → già nua, có vẻ buồn, len lén; Du → thấy lòng nặng nặng → đưa chân chạm khẽ; con chó → vẫy đuôi mạnh hơn → len lén lách ra → vận vẹo mình; đưa em → tưởng anh đã hụt → đã mạnh vào sườn; Nó → lấm lét lảng dần...* TGNT (3.2) mở ra bằng chuỗi trực chỉ hiện thực mới, mọi người đều thay đổi: mẹ anh yêu hơn xưa, các em đã lớn vượt khỏi trí tưởng tượng, con Mực, người bạn thuở ấu thơ dù đã già nua, tàn tạ nhưng vẫn *đứng lặng vậy đuôi, đầu cúi xuống, hai mắt nhem ươn ướt nhìn đất...* Tất cả các trực chỉ hướng đến việc khơi dậy một thế giới tình thái nhận thức, nơi cảm xúc của Du trộn lẫn giữa kí ức và hiện tại. Chuỗi trực chỉ tâm lí được mở rộng khi Du định cúi xuống vuốt ve con chó, nhưng rồi khựng lại trước sự thật khắc nghiệt: con Mực bây giờ *bắn ghê gớm, lông rụng từng mảng, thịt trắng lộ ra* và ánh mắt buồn, cử chỉ thì lén lút, e sợ của nó. Thái độ lưỡng lự này cho thấy, có một sự giằng co ghê gớm giữa lòng thương xót và cảm giác ghê sợ bản năng, giữa cái lí trí và cảm xúc thuần khiết của kí ức tuổi thơ. Con Mực dường như cảm nhận được điều đó nên nó *có vẻ buồn và len lén như phòng bị*. Điều đó đã làm Du *thấy lòng nặng nặng*. Trực chỉ chuyển qua hành động của đứa em Du khi anh đưa chân ra *chạm khẽ vào con chó để tỏ tình thương, con chó rít lên một tiếng ngắn và to*, hồi đáp bằng chút sức tàn còn lại nhưng bị đứa em hiểu là anh muốn xua đuổi nên đã *vung chân đá mạnh vào sườn con vật* khiến nó chạy trốn trong dè dặt, *lấm lét lảng dần*. Từ đây, thế giới tình thái nhận thức chuyển thành thế giới tình thái đạo nghĩa, trong lòng Du, từ trạng thái buồn chuyển thành nỗi đau khó nói... Như vậy, với ngôi kể thứ ba xen lẫn ngôi kể biến hóa vào các lời thoại và giọng điệu chuyển sang màu sắc tâm tình, TGNT (3.2) được cấu trúc từ nhiều mảng màu cảm xúc xoay quanh con Mực, qua đó phản chiếu sâu sắc sự biến đổi trong tâm thế và nhận thức của Du khi đối diện với sự xung đột giữa quá khứ và hiện tại.

TGNT (3.3) với tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *Du → trách em → thấy cái vui đoàn tụ giảm hẳn → lảng vảng hình ảnh con chó ghê với cái buồn mơ hồ → (nghĩ rằng) dịu dàng quá là yếu tâm hồn...* TGNT (3.3) mở ra bằng trực chỉ hành động thể hiện thái độ trách móc của Du đối với đứa em vì đã quá tàn nhẫn với con Mực. Niềm vui đoàn tụ chan chứa lúc đầu bỗng *giảm hẳn đi một nửa*. Các trực chỉ nhận thức chuyển vào tiêu điểm bên trong, tâm trí Du bị hình ảnh *con chó ghê tội nghiệp* ám ảnh không nguôi; ý nghĩ cố gắng thoát khỏi nỗi ám ảnh ấy bằng sự tàn nhẫn (có gan giết người) để chứng tỏ mình không yếu mềm. Lúc này, thế giới trực chỉ đã chuyển hẳn sang thế giới tình thái, lối thoát cho việc chứng tỏ sự trưởng thành của một người đàn ông đang đối mặt với một sự lựa chọn thông thường nhất nhưng cũng nhân tâm nhất... Đến đây, TGNT (3.3) đã kết thúc với tình thái đạo nghĩa, nhân vật đang đứng trước một ranh giới khắc nghiệt giữa tình thương với cái “tôi” phi nhân thường tình của đời sống.

3.2.4. Thế giới ngôn từ về việc con Mực giãy chết

TGNT (4), gồm 2 tiểu TGNT: TGNT (4.1) bắt con Mực và sự do dự vụng về của Du → TGNT (4.2) tình trạng trốn chạy của con Mực và ý nghĩ của Du → TGNT (4.3) con Mực giãy chết và nỗi ân hận của Du. Cấu trúc của TGNT gồm tham tố thời gian: diễn tiến thời gian sinh hoạt của gia đình; tham tố không gian: sân nhà và gia đình Du; tham tố nhân vật: Hoa, lũ trẻ, Du, những người xung quanh; tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba khách quan; giọng điệu thương cảm.

TGNT (4.1) với tham tố vật thể và các đặc tính được gán, các tham tố thúc đẩy chức năng: *bữa ăn xong, con Hoa → cầm bát cơm ra; con Mực → nhảy tới → chúi mõm ăn; cái thúng → đã chụp quanh trên mình; nó → rít lên, vùng mạnh; Hoa → tì cả người lên cái thúng; con Mực → bị thu gọn ở trong; lũ trẻ con → réo ầm lên; người ta → lấy sẵn dao thót và dây để trói; Du → mở thúng → thấy run run; con chó → vùng ra; con Hoa → tùm tùm cười; lũ em → ngơ ngác nhìn theo con chó; Du → mặt đỏ như gấc chín → thấy mình yếu tay hơn cả con Hoa → giận con Mực...* TGNT (4.1) mở ra không gian sinh hoạt quen thuộc với chuỗi trực chỉ tập trung vào sự tương tác giữa *con Mực* và *Du*. Cảnh *con Mực* bị *Hoa* dùng thúng úp, mọi người chuẩn bị *dao thót*, còn *mấy đứa em Du* phần khởi *réo ầm lên* đã khiến thế giới trực chỉ dần chuyển hóa thành thế giới tình thái, nơi ai cũng phần khích với việc giết thịt một con vật nuôi và miếng ngon đang chờ đợi. Dòng trực chỉ tiếp tục phát triển với các từ ngữ chỉ hành động và thuộc tính. Đầu tiên là việc *Du* được giao nhiệm vụ mở thúng bắt *con Mực*. Tiếp theo là các tham tố về biểu hiện của những người tham gia. *Du* thì *run run* và để *con Mực* *vùng ra* được; cô em gái úp được nó thì *tùm tùm cười*, các em *Du* thì *ngơ ngác nhìn theo*. Các tham tố trên tác động đến *Du* khiến anh ta *mặt đỏ như gấc chín* và nhận thấy mình *yếu tay hơn cả con Hoa*. Tình huống này đã hình thành một thế giới tình thái nhận thức phức hợp và đầy mâu thuẫn, khi *Du* tự thấy mình kém cỏi, để rồi nảy sinh cảm giác xấu hổ, từ giận mình chuyển sang giận *con Mực*, cái tự ái nhỏ nhen trong *Du* lại bốc lên cao, thay vì tự nhìn nhận để hiểu ra cái mất bình tĩnh là do sự yếu đuối của mình, thì *Du* lại đổ lỗi cho *con Mực*... Như vậy, TGNT (4.1) được kiến tạo từ nhiều trực chỉ hành động và cảm xúc phức hợp đan xen nhau giúp ta hình dung diễn biến tâm lý và mâu thuẫn trong chính con người *Du*, từ thương cảm đến hổ thẹn, từ yếu mềm đến giận dữ mất định hướng. Cái giận của *Du* mở ra một thế giới mới, quyết tâm chứng tỏ sự mạnh mẽ của mình bằng chính hành động mà chàng ghê sợ nhất.

TGNT (4.2) với tham tố tình thái: ngôi kể thứ nhất của lời độc thoại nội tâm; giọng điệu tâm tình tha thiết. Tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *người ta → lo con Mực đi mất; nó → không về → vẩn vơ vườn hàng xóm → lẩn vào gầm giường → bỏ cơm → cúp đuôi chạy; Du → thương hại → sai người đem cơm đổ ra vườn; Mực → lại gần → trông trước trông sau → đưa mõm rê trên những hạt cơm → giật mình chạy; Du → thấy bốn chồn và vẩn vơ → bực mình → muốn giết con Mực → muốn có đủ can đảm để giết người → thấy lòng cứng cỏi → tưởng đến cái thủ dỉ con dao vào súc thịt; Mực → đã mệt lử → ngủ bên bờ giếng; Du → cầm cái gậy to rón rén lại gần → thấy tim run một cái → tưởng như ngạt thở → ngừng lại một giây để nhìn con chó → thấy lòng quả quyết tiêu tán hết → hoảng hốt thẳng cánh vụt mạnh trên mình nó; bụng nó → thót hẫng vào rồi lại phình ra như một khối cao su → rống lên → gượng dậy loạng choạng mấy vòng → chúi bừa qua giếng; Du → nghe tiếng Mực rống lên → toát mồ hôi → nhất định không giết con chó nữa...* TGNT (4.2) mở ra bằng thế giới trực chỉ miêu tả sự hoảng loạn của *con Mực*: *suốt ngày hôm ấy nó không về; vẩn vơ vườn hàng xóm; lẩn vào gầm giường; cứ thấy bóng người lại cúp đuôi chạy*. Chuỗi trực chỉ này khắc họa nỗi sợ hãi và bản năng tự vệ của con vật sau một thời gian dài bị ngược đãi và cuộc truy sát kinh hoàng vừa trải qua. Các trực chỉ về cảm xúc và hành động tiếp theo hình thành nên một thế giới tình thái khi *Du* *thương hại* *con Mực* và *sai người đem cơm đổ ra vườn*, nhưng *cái kỉ niệm khủng khiếp vừa lóe ra và đập mạnh vào thần kinh nó như luồng điện* đã khiến *Mực* trở nên rất cảnh giác. Tuy nhiên, một ý nghĩ khác đã mạnh nha trong lòng *Du*: *nổi thẹn*. Thế giới tình thái chuyển dịch theo sự biến đổi của các tham tố chỉ thái độ và các “lập luận” có tính “tự biện” của *Du*, từ *bốn chồn* và *vẩn vơ* trong cái mớ cảm xúc hỗn loạn, *thương, hối hận hay là thẹn*, nổi thẹn chuyển sang *bực mình* vì bản thân thấy yếu đuối trước một con chó già và phát triển thành ý nghĩ táo bạo: *muốn giết con Mực* để chứng tỏ mình *can đảm; phải dám giết mà không run tay*. *Con Mực* tội nghiệp bây giờ đã thành vật rèn luyện bản lĩnh. Thế giới tình thái tiếp tục vận động đạt đến mức cao nhất với các trực chỉ diễn tả ý nghĩ của *Du* dần đi đến một kết luận rất phi nhân khi nghĩ rằng giá trị của một người đàn ông là sự mạnh mẽ và muốn mạnh mẽ thì không được *run tay* trước việc giết một con vật hay thậm chí là *giết người*. Ý nghĩ đó đã đưa đến cho chàng “khoái cảm bạo lực” cuồng dại khi tưởng tượng cảnh *dí con dao vào súc thịt giẫy lên đánh đập để máu ầm phọt vào tay*. Tham tố này đã biến thế giới tình thái thành một

thế giới nhận thức: ngay trong một tâm hồn đầy yêu thương cũng ẩn giấu trong đó sự tàn nhẫn chực chờ bộc phát khi có điều kiện; những ý nghĩ nhẫn tâm đối với một con chó già cũng y hệt như ý nghĩ về cách đối xử với một con người khi họ đã hết giá trị. Các trực chỉ tiếp theo miêu tả hành động và ý nghĩ của Du lại rẽ sang một hướng khác, khi con Mực đã ở trong tầm tay thì lòng quyết tâm lại tiêu tan, chàng *bỗng thấy tim run một cái; tưởng như ngạt thở; thấy lòng quả quyết tiêu tán hết*. Những tham tố này đã hình thành một thế giới nhận thức về Du: trong sâu thẳm tâm thức, cái thiện lành vẫn còn nguyên vẹn. Tuy nhiên, nó chưa đủ bền vững để chống lại cái “tôi” sĩ diện hiện tại. Vì vậy, trong trạng thái bán vô thức, Du *thăng cánh vút mạnh* lên con mực và khi nhìn thấy *bụng nó thót hẳn vào rồi lại phình ra như một khối cao su; rống lên gượng dậy loạng choạng mấy vòng* thì tiềm thức đột nhiên sống lại một cách mạnh mẽ. Nó khiến Du *toát mồ hôi và nhất định không giết con chó nữa...* Như vậy, TGNT (4.2) được cấu trúc từ nhiều mảng màu tình thái đạo nghĩa thay thế nhau liên tục để tái hiện sự biến động dữ dội trong nội tâm của Du, từ thương cảm đến giận dữ, từ bản năng bạo liệt đến việc thức tỉnh nhân tính. Sự thức tỉnh này mở ra một tiểu thế giới tình thái nhận thức mới: nỗi đau đớn thâm lắng dày vò tâm trí Du.

TGNT (4.3) với tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *Con vật khôn nạn → ngủ quên ngay ở giữa sân; Hoa → úp được; hai ba người → nắm vào hai đầu gây tre ngáng sẵn bên cạnh thùng; Hoa → hé miệng thùng; con Mực → lách cả cái đầu ra; cái gây → đè mạnh xuống; con vật khôn nạn → không còn kịp kêu → phì một cái; mắt → trợn lên; lòng đen → dờ dãn; lòng trắng → đã hơi đục → mềm ra không còn cựa quậy nữa; Du → nghẹn ngào nén khóc...* TGNT (4.3) mở ra bằng các trực chỉ miêu tả cảnh con Mực bị bắt lại được đặt vào trong một thời điểm đặc biệt, khi Du đang chìm trong chuỗi hồi tưởng mơ màng. Dù nhắc nhở em gái cẩn thận *đề chặt*, nhưng giọng chàng *đã hơi run run*, một biểu hiện cho sự giằng co giữa lí trí và cảm xúc chưa đi đến được hồi kết. Thế giới trực chỉ tiếp tục mở rộng với hình ảnh đầy ám ảnh về con chó trong giờ phút sinh tử: *hơi thở mới thoát ra một nửa bị tắc; mắt nó trợn lên; lòng đen uơn uớt cứ dờ dãn rồi ngược lên lần một nửa vào mí trên; lòng trắng đã hơi đục rồi mềm ra, không còn cựa quậy nữa*. Một thế giới tình thái đạo nghĩa được mở ra với các trực chỉ miêu tả cái chết từ từ đến với con Mực như một ám thị đau đớn về thân phận con người, làm phát lộ sự tàn nhẫn lạnh lùng được cộng đồng xem là “lẽ thường” của cuộc sống. Nó tạo nên nỗi đau sâu kín trong lòng Du. Mặc dù vậy, anh cũng không dám bộc lộ cái thương cảm ấy ra ngoài vì sợ người khác chê cười. Trong khoảnh khắc ấy, *Du nghẹn ngào nén khóc*, mang trong lòng *nỗi ân hận và cảm giác thất bại*, thất bại không chỉ vì đã không giữ được sự cứng rắn, mà còn vì đã đánh mất vĩnh viễn một thứ gì đó rất thiêng liêng... Từ những trực chỉ về diễn biến tâm trạng, cho thấy Du không phải người ác, mà là một kẻ không đủ dũng khí để đứng về phía cái thiện, phải hành xử theo “chuẩn mực của đám đông”, muốn được đám đông thừa nhận... Với ngôi kể thứ ba và sự pha trộn ngôi kể vào lời thoại của các nhân vật, TGNT (4.3) là một thế giới tình thái đặc biệt, thể hiện đỉnh điểm của xung đột nội tâm trong con người Du, nơi ranh giới giữa cái ác, sự yếu đuối và lòng trắc ẩn trở nên vô cùng mong manh. Ở đó, dấy lên một nỗi niềm day dứt về sự tha hóa của nhân tính trong cái vỏ bọc mang tên gọi “lẽ thường”.

4. Kết luận

LTTGNT của Paul Werth với sự bổ cứu của Gavins đã mở ra một hướng đi mới cho phân tích tác phẩm văn chương, chỉ ra cách tiếp cận mang tính phương pháp luận có thể lí giải một cách hiệu quả và thuyết phục quá trình tri nhận của các hình thức giao tiếp ngôn ngữ. Lí thuyết này được xem là một hướng đi rất hữu dụng, nó góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu, sáng tác và thưởng thức tác phẩm văn chương nói chung, truyện kể nói riêng mà việc tiếp cận tác phẩm “Cái chết của con Mực” ở trên là một ví dụ tiêu biểu.

TGNT trong *Cái chết của con Mực* là thông điệp phản tỉnh nhân văn được xây dựng theo mô thức xung đột giữa tình cảm và bổn phận, giữa tính “phi nhân” của cộng đồng với lòng trắc ẩn của cá nhân. Trong thế giới ấy, nổi lên nhân vật Du, một trí thức phản tỉnh nhưng bất lực trong việc chống lại cái vô tình đến tàn nhẫn ngay trong chính con người mình. Nam Cao đã xây dựng một TGNT bằng các tiểu thế giới tình thái nhận thức đan xen nhau, xung đột nhau kịch liệt ngay trong chính bối

cảnh của một gia đình và một cá nhân duy nhất. Sự đối lập giữa các thế giới ấy đã giúp nhà văn làm rõ sự bất lực của con người cá thể trước sức mạnh của tập quán xã hội, vì không muốn bị cộng đồng xem thường mà tự nguyện từ bỏ cả lòng trắc ẩn. Ở đây, sức mạnh cá nhân đã “đầu hàng” trước sức mạnh tập thể, dù cái mà tập thể ấy tôn thờ giá trị của sự mạnh mẽ bằng mọi giá, kể cả sự nhẫn tâm. Trong TGNT *Cái chết của con Mực*, thấp thoáng thân phận của những con người khi đã trở nên bất lực, hết giá trị sử dụng và trở thành nỗi phiền toái cho những người xung quanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, G, Yule, G. (2002), *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuần dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Giovanelli, M. (2010). “Pedagogical Stylistics: A Text World Theory Approach to the Teaching of Poetry”. *English in Education*, 44 (3), 214-231.
3. Gavins, J. (2007). *Text World Theory: An Introduction*. Edinburgh: Edinburgh University Press.
4. Werth, P. (1999). *Text Worlds: Representing Conceptual Space in Discourse*. London: Longman.
5. Whiteley, S. (2010). *Text World Theory and the Emotional Experience of Literary Discourse* (unpublished PhD thesis). School of English Literature, Language and Linguistics, Sheffield, The University of Sheffield.
6. Whiteley, S. (2011). *Text World Theory, Real Reader and Emotional Responses to the Remains of the Day*. *Language and Literature*, 20 (1), 23-42.

The text world of the short story “The dead of the black doc”

Abstract: The article aims to apply "Text World Theory" to approach Nam Cao's short story "The death of the Black doc". This is a work that is highly appreciated in all aspects of contemporary literature. This theory views a work as a living world contained in a complex and unique linguistic system. In particular, each verbal unit is a sign of the "interpretation" of the world that the subjects participating in the text create. Using the above perspective to study works of fiction can help those who receive and analyze literature to deeply perceive the beauty of linguistic poetics and the system of meanings hidden behind the artistic world of the work.

Key words: Black doc; the text world; the cognitive world; the modal world.